TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:18/2018/HS-ST
Ngày: 03-4/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Sơn Thị Sô Tha
- Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phước Thị Kim Huê.
Ông Kim Diễn.
-Thư ký phiên tòa: Ông Kim Riêng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tú – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03-4/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2018/HSST- QĐ đối với các bị cáo:

1. Vỏ Minh T, sinh năm 1983;
Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vỏ Công B, sinh năm 1964 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1962; có vợ Trần Quế C, sinh năm 1987 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011 và nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; Tạm giữ ngày 19/12/2017 đến ngày 25/12/2017 chuyển sang tạm giam, được thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 05/02/2018. Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Diệp Vĩ T, sinh năm 1997;
Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Diệp Thiên Ch, sinh năm 1966 và bà Trần Thị Thu Ng, sinh năm 1968; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự bị Công an huyện Trà Cú xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số: 133/QĐ – XPHC ngày 10/4/2017 với số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc. Tạm giữ ngày 19/12/2017 đến ngày 25/12/2017 chuyển sang tạm giam, được thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 05/02/2018. Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Lâm Văn H, sinh năm 1974;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T (chết) và bà Kiên Thị X, sinh năm 1939; có vợ Lưu Thị Thu B, sinh năm 1976; có 02 người con lớn nhất sinh năm 1996 và nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không. Tạm giữ ngày 19/12/2017 đến ngày 25/12/2017 chuyển sang tạm giam, được thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày ngày 05/02/2018. Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh – Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02 bào chữa cho bị cáo Lâm Văn H.

4. Liêu Hữu Ph, sinh năm 1984;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Hữu Th, sinh năm 1944 và bà Trần Thị Ch, sinh năm 1949; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

5. **Thạch Lăng X**, sinh năm 1966;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch C (chết) và bà Lâm Thị S (chết); có vợ Trương Thị M, sinh năm 1970; có 02 người con lớn nhất sinh năm 1991 và nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

6. Trần Chí L, sinh năm 1976;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1952 và bà Trương Thị H, sinh năm 1953; có vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; có 02 người con lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

7. Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1991;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp X, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Chăn nuôi; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955; có vợ Nguyễn Thị Giáng H, sinh năm 1991; có 02 người con lớn

nhất sinh năm 2012 và nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự, bị Công an xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số: 13/QĐ – XPHC ngày 16/3/2017 với số tiền 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)* về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

8. Bùi Văn T, sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Q, sinh năm 1952 và bà Trương Thị N, sinh năm 1957; có vợ Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1989; có 01 người, sinh năm 2011; tiền án: Không; tiền sự: Không. Tạm giam ngày 28/12/2017, được thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 05/02/2018. Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

9. Trần Văn V, sinh năm 1961;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V (chết) và bà Lâm Thị B (chết); có vợ Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959; có 02 người con lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

10. Lâm Văn T, sinh năm 1970;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T (chết) và bà Kiên Thị X, sinh năm 1939; có vợ Thái Thị Huỳnh Ph, sinh năm 1978; có 02 người con lớn nhất sinh năm 1994 và nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

11. Trần Thanh V, sinh năm 1987;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Thú y; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc T, sinh năm 1954 và bà Đoàn Thị Hồng L, sinh năm 1959; tiền án: Không; tiền sự: Không. Tạm giữ ngày 19/12/2017 đến ngày 25/12/2017 chuyển sang tạm giam, được thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 05/02/2018. Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Văn G, Luật sư Văn phòng Luật sư Tư G thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo Trần Thanh V.

12. Thạch P, sinh năm 1962;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp L, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch C (chết) và bà Kiên Thị Th, sinh năm 1939; có vợ Trần Thị S, sinh năm 1957; có 06 người con lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Có 01 tiền sự bị Công an huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số: 177/QĐ – XPHC ngày 24/10/2017 với số tiền là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) về hành vi đánh bạc. Tạm giữ ngày 19/12/2017 đến ngày 25/12/2017 chuyển sang tạm giam, được thay đổi biện pháp ngăn chặn ngày 05/02/2018. Bị cáo tại ngoại (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trần Thị H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Trà Vinh – Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02 bào chữa cho bị cáo Lâm Văn H.

13. Thạch Trung Đ, sinh năm 1982;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch U, sinh năm 1959 và bà Kim Thị D, sinh năm 1953; có vợ Võ Thị Đ, sinh năm 1984; có 03 người con lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*Ông Nguyễn Công H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh – Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 02 bào chữa cho bị cáo Thạch Trung Đ.

14. Trần Văn S, sinh năm 1967;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S (chết) và bà Nguyễn Thị D (chết); có vợ Thạch Thị Sa R, sinh năm 1965; có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

15. Trần Văn T, sinh năm 1986;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp C, xã N, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (chết) và bà Bằng Thị L, sinh năm 1952; có vợ Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm 1992; có 01 người con sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

16. Nguyễn Trung V, sinh năm 1967;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (chết) và bà Châu Thị Ph (chết); có vợ Lý Thị Ngọc A, sinh năm 1969; có 03 người con lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1991; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

17. Kiến T, sinh năm 1970;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Kiến Â (chết) và bà Nguyễn Thị L (chết); có vợ Nguyễn Thị K, sinh năm 1967 (sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn); có 01 người con sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

18. Nguyễn Thị K, sinh năm 1967;

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1927 và bà Huỳnh Thị Ng (chết); có chồng Kiến Th, sinh năm 1970 (sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn); có 01 người con sinh năm 1996; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị khởi tố ngày 25/12/2017 và cho tại ngoại đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người tham gia tố tụng khác:

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Thu Ng, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1961 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lâm Thiên N, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
2. Anh Lê Thanh T, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
3. Anh Kim Ch, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
4. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1963 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
5. Anh Ngô Văn Ph, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
6. Anh Tăng Văn S, sinh năm 1985 (vắng mặt không lý do).
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
7. Ông Võ Văn B, sinh năm 1961(có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
8. Anh Kiến Văn D, sinh năm 1985 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
9. Anh Phạm Viết A (D), sinh năm 1974 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
10. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
11. Ông Lê Thanh C, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ ngày 19/12/2017, tại ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh có nhiều đối tượng lợi dụng đám tang bà Hồ Thị Huỳnh M, sinh năm 1939 cùng địa chỉ nêu trên để tụ tập đánh bạc dưới hình thức lắc tài - xỉu và quay bông dụ thắng thua bằng tiền. Đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện Trà Cú tiến hành kiểm tra và phát hiện bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc tại 03 (ba) chiếu bạc ở trước và trong nhà bà M. Cụ thể như sau:

- Chiếu bạc thứ nhất: Tại sân đất trước nhà bà M, các đối tượng tham gia đánh bạc dưới hình thức lắc tài - xỉu thắng thua bằng tiền do bị cáo Vỏ Minh T làm nhà cái và T trực tiếp cá cược với nhiều đối tượng khác từ khoảng hơn 20 giờ cùng ngày cho đến khi bị bắt quả tang. Có 06 tay con đặt cược gồm các bị cáo: Lâm Văn H, Diệp Vĩ T, Liêu Hữu Ph, Nguyễn Văn Nh, Thạch Lăng X, Trần Chí L. Trong đó, bị cáo Vỏ Minh T sử dụng số tiền 3.010.000đ để làm nhà cái và kết quả thua 280.000đ, bị Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 2.730.000đ; bị cáo Lâm Văn H sử dụng số tiền 5.230.000đ để cá cược và kết quả thua 200.000đ, bị Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 5.030.000đ; bị cáo Diệp Vĩ T sử dụng số tiền 6.650.000đ để cá cược và kết quả thua 150.000đ, bị Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 6.500.000đ. Bị cáo Liêu Hữu Ph sử dụng số tiền 100.000đ để cá cược và kết quả không thắng thua, bị Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 100.000đ; bị cáo Thạch Lăng X sử dụng số tiền 2.170.000đ để cá cược và kết quả thua 70.000đ, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 2.100.000đ; cáo Trần Chí L sử dụng số tiền 400.000đ để cá cược và kết quả thua 100.000đ, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 300.000đ; bị cáo Nguyễn Văn Nh sử dụng số tiền 200.000đ để cá cược và kết quả thua hết 200.000đ và nhiều đối

tượng khác không rõ tên, địa chỉ đã chạy thoát. Tổng số tiền tham gia đánh bạc của các bị cáo tại chiếu bạc bị tạm giữ là 16.760.000đ.

Về hình thức đánh bạc lắc tài - xỉu và thắng thua được quy định như sau: Bị cáo T làm nhà cái, mỗi ván cá cược T lắc 03 (ba) hột xí ngầu trên 01 (một) cái đĩa được úp lại bằng 01 (một) cái chén, các tay con đặt cược tài hoặc xỉu. Kết quả, nếu tổng 03 (ba) hột xí ngầu từ 11 (mười một) nút trở lên là tài, dưới 11 (mười một) nút là xỉu. Sau mỗi ván, bị cáo T sẽ trực tiếp tính tiền thắng thua với người đặt cược (tay con).

- Chiếu bạc thứ hai: Tại phòng khách của nhà bà M, các đối tượng tham gia chơi bông dụ thắng thua bằng tiền do bị cáo Bùi Văn T làm nhà cái. Nhưng T không trực tiếp quay con dụ mà nhờ bị cáo Trần Văn V quay con dụ, riêng T là người cầm tiền để tính thắng thua trực tiếp với nhiều đối tượng khác từ khoảng hơn 21 giờ cùng ngày cho đến khi bị bắt quả tang. Có 05 (năm) tay con đặt cược gồm các bị cáo Trần Thanh V, Lâm Văn T, Thạch P, Thạch Trung Đ, và Trần Văn S. Trong đó, bị cáo Bùi Văn T sử dụng số tiền 1.200.000đ để làm nhà cái và kết quả khi bị bắt quả tang bị cáo T bỏ chạy để lại số tiền đánh bạc trên chiếu bạc, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền trên; bị cáo Trần Văn V mang theo số tiền 590.000đ để đánh bạc nhưng chưa tham gia cá cược mà trực tiếp giúp sức cho T làm nhà cái (quay con dụ), khi Công an vào bắt quả tang thì bị cáo Vụ có nhặt được số tiền 400.000đ trong tổng số tiền mà bị cáo T để lại chiếu bạc, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 990.000đ; bị cáo Trần Thanh V sử dụng số tiền 5.600.000đ tham gia cá cược và kết quả thắng 1.500.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 7.100.000đ; bị cáo Lâm Văn T sử dụng số tiền 2.000.000đ tham gia cá cược và kết quả thua 300.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 1.700.000đ. Bị cáo Thạch P sử dụng số tiền 7.350.000đ tham gia cá cược và kết quả thua 1.000.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 6.350.000đ; bị cáo Thạch Trung Đ sử dụng số tiền 1.800.000đ tham gia cá cược và kết quả thua 150.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 1.650.000đ; bị cáo Trần Văn S sử dụng số tiền 3.900.000đ tham gia cá cược và kết quả thua 600.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 3.300.000đ và nhiều đối tượng khác không rõ tên và địa chỉ. Tổng số tiền của các bị cáo tham gia đánh bạc bị bắt quả tang và tạm giữ là 21.090.000 đồng.

Về hình thức đánh bạc chơi bông dụ và thắng thua được quy định như sau: Bị cáo V quay con dụ dùm cho bị cáo T làm nhà cái, mỗi ván cá cược bị cáo V quay con dụ trên 01 (một) cái đĩa, sau đó dùng 01 (một) cái tô úp lại, còn bị cáo T để số tiền 600.000đ của mình trên bàn dụ chia đều cho 6 (sáu) cửa cá cược mỗi cửa 100.000đ để các tay con sanh sửa và đặt cược trên bàn dụ. Kết quả, nếu tay con đặt chánh (đặt vào 1 cửa) thì tỷ lệ cá cược là đặt 1 trúng 4, nếu tay con đặt khe (đặt vào 2 cửa) thì tỷ lệ cá cược là đặt 1 trúng 2. Sau mỗi ván, nếu các tay con sanh sửa tiền

của nhau thì tính thắng thua với nhau, còn nếu sanh sửa tiền của nhà cái hoặc đặt cược thì sẽ trực tiếp tính tiền thắng thua với nhà cái là bị cáo T.

- Chiếu bạc thứ ba: Tại phòng sau của nhà bà M, các đối tượng tham gia chơi bông dụ thắng thua bằng tiền do bị cáo Trần Văn T làm nhà cái và T là người trực tiếp cá cược thắng thua với nhiều đối tượng khác từ khoảng gần 21 giờ cùng ngày cho đến khi bị bắt quả tang. Có 02 (hai) tay con đặt cược gồm bị cáo Nguyễn Trung V và bị cáo Kiến T. Trong đó, bị cáo Trần Văn T sử dụng số tiền 770.000đ để làm nhà cái và kết quả thắng được 330.000đ, khi Công an đến bắt quả tang thì bị cáo T bỏ chạy để lại hết số tiền trên chiếu bạc, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền trên; bị cáo Nguyễn Trung V sử dụng số tiền 7.500.000đ để cá cược và kết quả thua 470.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 7.030.000đ; bị cáo Kiến T sử dụng số tiền 900.000đ do bị cáo Nguyễn Thị K đưa cho để cá cược và kết quả thua 300.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 600.000đ; riêng bị cáo Nguyễn Thị K không trực tiếp tham gia cá cược mà đưa số tiền 900.000đ cho bị cáo T cá cược, khi Công an đến bắt quả tang thì bị cáo K nhặt được số tiền 1.100.000đ của bị cáo T để lại trên chiếu bạc, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 1.100.000đ và nhiều đối tượng khác không rõ tên và địa chỉ. Tổng số tiền tham gia đánh bạc của các bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ là 8.730.000đ.

Về hình thức đánh bạc chơi bông dụ và thắng thua được quy định như sau: Bị cáo T làm nhà cái, mỗi ván cá cược bị cáo T quay con dụ trên 01 (một) cái dĩa sau đó dùng 01 (một) cái tô úp lại, các tay con đặt cược và sanh sửa trên bàn dụ. Kết quả, nếu tay con đặt chánh (đặt vào 1 cửa) thì tỷ lệ cá cược là đặt 1 trúng 4, nếu tay con đặt khe (đặt vào 2 cửa) thì tỷ lệ cá cược là đặt 1 trúng 2. Sau mỗi ván, nếu các tay con sanh sửa tiền của nhau thì tính thắng thua với nhau, còn nếu đặt cược thì sẽ trực tiếp tính tiền thắng thua với nhà cái là bị cáo T.

Về vật chứng vụ án Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Cú tạm giữ các vật chứng như sau: Tại chiếu bạc thứ nhất: 01 cái đĩa có đường kính 22cm, cao 02cm; 01 cái chén có đường kính 8,5cm, cao 05cm; 01 tấm nilon màu trắng – xanh, dài 5,30m, rộng 3,20m lót làm chiếu bạc; 03 hột xí ngầu có 06 mặt hình vuông bằng nhau, kích thước 01cm đã qua sử dụng và số tiền đánh bạc của 07 bị cáo: Vỏ Minh T, Lâm Văn H, Diệp Vĩ T, Liêu Hữu Ph, Thạch Lăng X, Nguyễn Văn Nh và Trần Chí L là 16.810.000 đồng.

Tại chiếu bạc thứ hai: tạm giữ 01 (một) cái đĩa có đường kính 22cm, cao 02cm; 01 (một) cái tô có đường kính 10cm, cao 2,5cm; 01 (một) tấm nilon, dài 68cm, rộng 46cm, trên bề mặt có kẽ 6 ô, thứ tự từ 1 đến 6 chấm để cá cược và số tiền đánh bạc của 07 (bảy) bị cáo: Bùi Văn T, Trần Văn V, Trần Thanh V, Lâm Văn T, Thạch P, Thạch Trung Đ và Trần Văn S là 21.040.000 đồng. Ngoài ra còn tạm giữ của bị cáo Trần Văn V 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh - đen có 02 số IMEI: 359282042276288 và 359282042276296 đang sử dụng sim số:

01657.567926 có số sêri: 8984048601362534172; tạm giữ của bị cáo Thạch P 01 (một) điện thoại di động hiệu Q.Mobile màu trắng – đen, có 02 (hai) số IMEI: 358688000000158 và 359688000000158 đang sử dụng sim số: 01662.213857 có số sêri: 8984 0480 0881 8934 885.

Tại chiếu bạc thứ ba: Tạm giữ 01 cái đĩa có đường kính 20cm, cao 2cm; 01 cái tô có đường kính 15cm, cao 6cm; 01 tấm nilon, dài 65cm, rộng 49cm, trên bề mặt có kẽ 6 ô, thứ tự từ 1 đến 6 chấm để cá cược và số tiền sử dụng đánh bạc của 03 bị cáo: Trần Văn T (do bị can Nguyễn Thị K giao nộp), Nguyễn Trung V, Kiến T là 8.730.000 đồng. Hiện nay số vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú đang quản lý.

Qua quá trình điều tra, xác minh làm rõ thì số tiền và phương tiện không có liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú trao trả lại cho các bị cáo và chủ sở hữu quản lý như sau: Trả cho bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Philip, màu đen; bị cáo H 01 (một) xe mô tô Yamaha, nhãn hiệu Jupiter, màu xanh biển số: 84F8 – 9876; bà Ng 01 xe mô tô biển số: 84G1 – 39573 và 01 điện thoại di động Iphone 6, màu vàng – trắng; bị cáo L 01 điện thoại di động OPPO, màu vàng – trắng và số tiền 1.622.000đ; bị cáo Ph 01 xe mô tô Yamah, loại xe Nouvo, biển số: 84K6 – 3249 và số tiền 27.000.000đ.

Trả bị cáo Nh 01 xe mô tô Honda, nhãn hiệu Wave alpha, màu đỏ, biển số: 84G1 – 28909 và 01 điện thoại di động Nokia, màu đỏ; bị cáo T 01 điện thoại di động Nokia, màu đen và số tiền 5.000.000đ; bị cáo V 01 điện thoại di động OPPO, màu vàng – trắng; bị cáo Đ 01 điện thoại di động Nokia, màu đỏ; bị cáo S 01 điện thoại di động màu đen; 01 xe mô tô Honda, nhãn hiệu Wave, màu vàng – đen, biển số: 84G1 – 28767; bị cáo V 01 xe mô tô Honda, nhãn hiệu Dream, màu nâu, biển số: 84F3 – 0472 và 01 điện thoại di động Viettel; bị cáo T 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen; bị cáo K số tiền 6.300.000đ, bị cáo T 01 (một) xe mô tô, biển số: 84G1 – 29611 và 01 điện thoại di động Viettel, màu đỏ; ông N 01 xe mô tô Honda, nhãn hiệu Airblade, màu xám – bạc, biển số: 84G1 – 40062; 01 điện thoại di động Asus, màu đen, màn hình cảm ứng và số tiền 5.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKSTC ngày 02/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú đã truy tố các bị cáo Vỏ Minh T, Diệp Vĩ T, Lâm Văn H, Liêu Hữu Ph, Thạch Lăng X, Trần Chí L, Nguyễn Văn Nh, Bùi Văn T, Trần Văn V, Lâm Văn T, Trần Thanh V, Thạch P, Thạch Trung Đ, Trần Văn S, Trần Văn T, Nguyễn Trung V, Kiến T, Nguyễn Thị K đã phạm vào tội "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và thừa nhận những lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra là do các bị cáo tự nguyện khai nhận cũng như toàn bộ nội dung mà bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú mô tả về hành vi thực hiện tội phạm của các bị

cáo là hoàn toàn đúng đắn, các bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú: Sau khi phân tích các chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Vỏ Minh T, Diệp Vĩ T, Lâm Văn H, Liêu Hữu Ph, Thạch Lăng X, Trần Chí L, Nguyễn Văn Nh, Bùi Văn T, Trần Văn V, Lâm Văn T, Trần Thanh V, Thạch P, Thạch Trung Đ, Trần Văn S, Trần Văn T, Nguyễn Trung V, Kiến T, Nguyễn Thị K. Đại diện Viện kiểm sát quyết định giữ nguyên bản Cáo trạng đã truy tố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên phạt bị cáo Thạch P số tiền từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 17; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên phạt bị cáo Vỏ Minh T; Bùi Văn T; Trần Văn T mỗi bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ; Xử phạt các bị cáo Diệp Vĩ T; Lâm Văn H, Trần Thanh V, Nguyễn Trung V mỗi bị cáo số tiền từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ; các bị cáo Liêu Hữu Ph; Thạch Lăng X; Trần Chí L; Lâm Văn T; Thạch Trung Đ; Nguyễn Văn Nh; Kiến T; Trần Văn S mỗi bị cáo số tiền từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ và các bị cáo Trần Văn V; Nguyễn Thị K mỗi bị cáo số tiền từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo qui định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh V như sau: Tôi thống nhất nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú nên không bổ sung quan điểm bào chữa. Đối với vật chứng là số tiền mà đại diện diện Viện kiểm sát đề nghị tịch thu sung qũy của bị cáo Trần Thanh V đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn trả cho bị cáo.

- Quan điểm của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Thạch Trung Đ như sau: Tôi thống nhất nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú. Tuy nhiên, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cho bị cáo với mức thấp nhất tạo điều kiện cho bị cáo đủ điều kiện để thi hành án với các lý do: bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có trình độ học vấn thấp, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là lao động chính trong gia đình có 03 người con còn nhỏ và sống ở xã có đặc biệt khó khăn để cho bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Về án phí: Do bị cáo sống ở xã đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Quan điểm của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo Thạch P và bị cáo Lâm Văn H như sau: Tôi thống nhất nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Tuy nhiên, Trợ giúp viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với các lý do bị cáo là người dân tộc Khmer sống ở xã đặc biệt khó khăn, việc am hiểu pháp luật còn hạn chế, trình độ học vấn thấp, sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để cho các bị cáo được giảm nhẹ một phần hình phạt theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, bị cáo Lâm Văn H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Về án phí: Do các bị cáo sống ở xã đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Các bị cáo Vỏ Minh T, Lâm Văn H, Trần Chí L, Nguyễn Văn Nh, Bùi Văn T, Lâm Văn T, Trần Thanh V, Trần Văn S, Nguyễn Thị K xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Diệp Vĩ T, Liêu Hữu Ph, Thạch Lăng X, Trần Văn V, Thạch Trung Đ, Trần Văn T, Nguyễn Trung V, Kiến T và Thạch P không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào khoảng 22 giờ ngày 19/12/2017 lợi dụng đám tang bà Hồ Thị Huỳnh M tại ấp D, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh các bị cáo đã thừa nhận chơi đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức lắc tài – xỉu và quay bông dụ thì bị Công an huyện Trà Cú phát hiện bắt quả tang và thu giữ số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cụ thể: bị cáo Vỏ Minh T sử dụng số tiền 3.010.000đ để làm nhà cái và kết quả thua 280.000đ, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 2.730.000đ; bị cáo Lâm Văn H sử dụng số tiền 5.230.000đ để cá cược và kết quả thua 200.000đ, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 5.030.000đ; bị cáo Diệp Vĩ T sử dụng số tiền 6.650.000đ để cá cược và kết quả thua 150.000đ, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 6.500.000đ; bị cáo Liêu Hữu Ph sử dụng số tiền 100.000đ để cá cược và kết quả không thắng thua, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 100.000đ; bị cáo Thạch Lăng X sử dụng số tiền 2.170.000đ để cá cược và kết quả thua 70.000đ,

Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 2.100.000đ; bi cáo Trần Chí L sử dụng số tiền 400.000đ để cá cược và kết quả thua 100.000đ, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 300.000đ; bị cáo Nguyễn Văn Nh sử dụng số tiền 200.000đ để cá cược và kết quả thua hết 200.000đ; bị cáo Trần Văn V mang theo số tiền 590.000đ để đánh bạc nhưng chưa tham gia cá cược mà trực tiếp giúp sức cho T làm nhà cái (quay con dụ), khi Công an vào bắt quả tang thì bị cáo V có nhặt được số tiền 400.000đ trong tổng số tiền mà bị cáo T để lại chiếu bạc, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 990.000đ; bị cáo Trần Thanh V sử dụng số tiền 5.600.000đ tham gia cá cược và kết quả thắng 1.500.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 7.100.000đ; bị cáo Lâm Văn T sử dụng số tiền 2.000.000đ tham gia cá cược và kết quả thua 300.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 1.700.000đ. Bị cáo Thạch P sử dụng số tiền 7.350.000đ tham gia cá cược và kết quả thua 1.000.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 6.350.000đ; bị cáo Thạch Trung Đ sử dụng số tiền 1.800.000đ tham gia cá cược và kết quả thua 150.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 1.650.000đ; bị cáo Trần Văn S sử dụng số tiền 3.900.000đ tham gia cá cược và kết quả thua 600.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 3.300.000đ; bị cáo Nguyễn Trung V sử dụng số tiền 7.500.000đ để cá cược và kết quả thua 470.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 7.030.000đ; bị cáo Kiến T sử dụng số tiền 900.000đ do bị cáo Nguyễn Thị K đưa cho để cá cược và kết quả thua 300.000đ, Cơ quan điều tra đã tạm giữ số tiền 600.000đ; riêng bị cáo Nguyễn Thị K không trực tiếp tham gia cá cược mà đưa số tiền 900.000đ cho bị cáo T cá cược, khi Công an đến bắt quả tang thì bị cáo K nhặt được số tiền 1.100.000đ của bị cáo T để lại trên chiếu bạc, Cơ quan điều tra tạm giữ số tiền 1.100.000đ và nhiều đối tượng khác không rõ tên và địa chỉ.

Hành vi của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Vỏ Minh T, Diệp Vĩ T, Lâm Văn H, Liêu Hữu Ph, Thạch Lăng X, Trần Chí L, Nguyễn Văn Nh, Bùi Văn T, Trần Văn V, Lâm Văn T, Trần Thanh V, Thạch P, Thạch Trung Đ, Trần Văn S, Trần Văn T, Nguyễn Trung V, Kiến T, Nguyễn Thị K phạm tội "Đánh bạc" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh, trật tự tại địa phương. Hiện nay tình trạng đánh bạc trái pháp luật vẫn còn diễn biến phức tạp trong cộng đồng dân cư, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa của nhân dân, trật tự an toàn của xã hội. Các bị cáo nhận thức được cờ bạc không chỉ mang tính sát phạt lẫn nhau mà còn là một trong các tệ nạn xã hội, gây nên sự đói nghèo và phát sinh nhiều loại tội phạm khác nên bị pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm nên phạm tội do lỗi cố ý trực tiếp với số tiền dùng vào việc chơi đánh bạc.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vai trò các bị cáo trong vụ án theo Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (Sửa đổi, bổ sung năm 2009) tương ứng Điều

58 Bộ luật hình sự năm 2015 thì đây thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn do không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể của từng bị cáo, các bị cáo cùng trực tiếp tham gia vai trò ngang nhau trong vụ án. Các bị cáo Vỏ Minh T, Bùi Văn T và Trần Văn T là người thực hiện tội phạm tích cực nhất, là đầu mối của vụ án đánh bạc và là người trực tiếp cầm cái để các bị cáo còn lại đặt cược để thắng thua bằng tiền với nhau nên cần phải xử lý nghiêm khắc hơn các bị cáo khác để đảm bảo răn đe, giáo dục các bị cáo.

Các bị cáo Thạch P, Diệp Vĩ T, Lâm Văn H, Trần Thanh V và Nguyễn Trung V là các đối tượng sử dụng số tiền nhiều nhất vào việc đánh bạc nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự ngang các bị cáo Vỏ Minh T, Bùi Văn T và Trần Văn T. Vai trò tiếp theo được xác định đến bị cáo Thạch Lăng X, Lâm Văn T, Thạch Trung Đ, Trần Văn S là các đối tượng sử dụng số tiền nhiều thứ hai vào việc đánh bạc nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự ngang với các bị cáo Diệp Vĩ T, Lâm Văn H, Trần Thanh Vvà Nguyễn Trung V. Các bị cáo Liêu Hữu Ph, Nguyễn Văn Nh, Trần Chí L, Kiến T sử dụng số tiền dưới hai triệu đồng vào việc đánh bạc nên chịu trách nhiệm chỉ sau các bị cáo Thạch Lăng X, Lâm Văn T, Thạch Trung Đ, Trần Văn S, trong vụ án.

Bị cáo Nguyễn Thị K tuy không tham gia đánh bạc nhưng bị cáo đã trực tiếp đưa tiền cho bị cáo Kiến T 900.000đ sử dụng vào việc đánh bạc Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của Nguyễn Thị K không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc nhưng phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về tội đánh bạc. Đối với bị cáo Trần Văn V mặc dù không tham gia đánh bạc nhưng bị cáo lại giúp sức quay bông dụ cho bị cáo Bùi Văn T nên bị cáo V và bị cáo K chịu trách nhiệm thấp nhất trong vụ án.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra, xét xử vụ án, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền sử dụng đánh bạc không lớn là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo Thạch P có 03 tiền án về tội đánh bạc, mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng vẫn cố ý phạm tội; vào ngày 24/10/2017 bị Công an huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xử phạt vi phạm hình chính 2.000.000đồng về hành vi "Đánh bạc" đến ngày 19/12/2017 lại phạm tội mới về hành vi đánh bạc và bị cáo P đã sử dụng số tiền lớn 7.350.000 đồng, do đó cho thấy bị cáo có nhân thân xấu nên phải chịu trách nhiệm hình sự nghiêm khắc.

Bị cáo Diệp Vĩ T cũng là đối tượng đã có một tiền sự, ngày 10/4/2017 bị Công an huyện Trà Cú xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "đánh bạc". Bị cáo Nguyễn Văn Nh cũng là đối tượng đã có một tiền sự, ngày 16/3/2017 bị Công an xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi "đánh bạc".

Đối với các bị cáo Thạch P, Thạch Trung Đ, Diệp Vĩ T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, là người dân tộc Khmer sống ở xã đặc biệt khó khăn, việc am hiểu pháp luật còn hạn chế, trình độ học vấn thấp

nên là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng bị cáo Thạch P có 03 tiền án về tội đánh bạc, mặc dù bị cáo đã được xóa án tích nhưng vẫn thể hiện bị cáo có nhân thân xấu và sử dụng số tiền nhiều vào mục đích đánh bạc nên phải xử lý nghiêm khắc hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo Vỏ Minh T, Lâm Văn H, Liêu Hữu Ph, Thạch Lăng X, Trần Chí L, Bùi Văn T, Trần Văn V, Lâm Văn T, Trần Thanh V, Thạch Trung Đ, Trần Văn S, Trần Văn T, Nguyễn Trung V, Kiến T và Nguyễn Thị K có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Trần Thanh V có cha ruột là Thương binh, ông Nội là Liệt sỹ; bị cáo Liêu Hữu Ph có mẹ ruột được tặng thưởng huân chương và bị cáo Trần Văn T có cha ruột là người có công với cách mạng do đó, nghĩ nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt tiền, tuy là ít nghiêm khắc hơn nhưng là sự trừng phạt nặng về kinh tế đối với các bị cáo, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Mặt khác, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Cú đã làm rõ được 02 đối tượng tham gia đánh bạc tại chiếu bạc thứ nhất đã nghỉ trước khi lực lượng Công an đến bắt quả tang là ông Lâm Thiên N và Phạm Viết A (D) và xét thấy, số tiền đánh bạc của 02 đối tượng trên dưới 5.000.000 đồng không đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, về nhân thân của các đối tượng trên chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc nên Công an huyện Trà Cú đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính mỗi đối tượng 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số: 26, 27/QĐ – XPVPHC ngày 18/01/2018. Còn riêng các đối tượng khác do chưa xác minh làm rõ được, khi nào xác minh được sẽ xem xét xử lý sau.

Đối với ông Nguyễn Văn H là con rể của bà Hồ Thị Huỳnh M và là người chủ nhà tổ chức đám tang cho bà M tại nhà của ông H. Qua điều tra, việc các bị cáo tham gia đánh bạc là do tự các bị cáo lợi dụng đám tang để cá cược ăn thua bằng tiền với nhau tại nhà của bà M, ông H không biết cũng không thu lợi ích gì. Địa điểm mà các bị can đánh bạc là phần đất của ông H nhưng do bà M sinh sống và trực tiếp quản lý trước khi chết. Do đó, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông H về tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc theo quy định tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Riêng, đối với Lê Thanh T là người giúp bị cáo T gọi điện thoại cho bị cáo Vụ đem con dụ cho bị cáo T mượn. Xét thấy, việc bị cáo V đem con dụ đến cho bị cáo T mượn và sử dụng con dụ làm công cụ thực hiện hành vi đánh bạc, T hoàn

toàn không hay biết sự việc nêu trên nên hành vi của Lê Thanh T không đồng phạm với các bị cáo T, V về tội Đánh bạc theo Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Ngoài ra, đối với bà Trần Thị Thu Ng có cho bị cáo T mượn một điện thoại di động Iphone màu vàng – trắng, sử sụng số điện thoại 0971.727929 để liên lạc và một xe mô tô biển số: 84G1 – 395.73, số máy: JF51E0516512, số khung: 5135GY207620 để đi đám tang. Quá trình bị cáo T sử dụng điện thoại để liên lạc và sử dụng xe làm phương tiện đi đánh bạc bà Ng hoàn toàn không hay biết, nên không có căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Ng.

Đối chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của các bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo, xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo Thạch P,Thạch Trung Đ và Lâm Văn H là có cơ sở nghĩ cần được chấp nhận.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lâm Thanh V là có cơ sở nghĩ cần được chấp nhận một phần.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ tại chiếu bạc thứ nhất số tiền 16.810.000đồng; tại chiếu bạc thứ hai số tiền 21.040.000 đồng và tại chiếu bạc thứ ba số tiền 8.730.000đồng. Tổng cộng 46.580.000đ. Xét đây là số tiền dùng vào việc đánh bạc, nghĩ nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – đen có 02 số IMEI: 359282042276288 và 359282042276296 cùng sim số: 01657.567.926 có số sêri: 89840 48601 36253 4171 của bị cáo Trần Văn V và 01 (một) điện thoại di động hiệu Q.Mobile màu trắng – đen, có 02 số IMEI: 358688000000158 và 359688000000158 cùng sim số: 01662.213857 có số sêri: 8984 0480 0881 8934 885 của bị cáo Thạch P là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nghĩ nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với: Một cái đĩa có đường kính 15cm, cao 06cm; 01 cái chén có đường kính 8,5cm, cao 05cm; 01 tấm nilon màu trắng – xanh, dài 5,30m, rộng 3,20m lót làm chiếu bạc; 03 hột xí ngầu có 06 mặt hình vuông bằng nhau, kích thước 01cm đã qua sử dụng tại chiếu bạc thứ nhất. Một cái đĩa có đường kính 22cm, cao 02cm; 01cái tô có đường kính 10cm, cao 2,5cm; 01 tấm nilon, dài 68cm, rộng 46cm, trên bề mặt có kẽ 6 ô, thứ tự từ 1 đến 6 chấm để cá cược tại chiếu bạc thứ hai và 01 cái đĩa có đường kính 20cm, cao 2cm; 01 cái tô có đường kính 15cm, cao 6cm; 01 tấm nilon, dài 65cm, rộng 49cm, trên bề mặt có kẽ 6 ô, thứ tự từ 1 đến 6 chấm để cá cược. Xét đây là công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nghĩ nên tịch thu tiêu hủy.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/4/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị Thu Ng; ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Đ không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Vỏ Minh T, Diệp Vĩ T, Lâm Văn H, Liêu Hữu Ph, Thạch Lăng X, Trần Chí L, Nguyễn Văn Nh, Bùi Văn T, Trần Văn V, Lâm Văn T, Trần Thanh V, Thạch P, Thạch Trung Đ, Trần Văn S, Trần Văn T, Nguyễn Trung V, Kiến T, Nguyễn Thị K phạm tội "Đánh bạc".

2/ Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt: Bị cáo Thạch P số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng).*

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vỏ Minh T số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Trần Văn T số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Bùi Văn T số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Diệp Vĩ T số tiền 9.000.000đ *(Chín triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Lâm Văn H số tiền 8.000.000đ *(Tám triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Trần Thanh V số tiền 8.000.000đ *(Tám triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung V số tiền 8.000.000đ *(Tám triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Trần Văn S số tiền 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Thạch Lăng X số tiền 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Nh số tiền 7.000.000đ *(Bảy triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Trần Chí L số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Trần Văn Vsố tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Liêu Hữu Ph số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Lâm Văn T số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Thạch Trung Đ số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Kiến T số tiền 6.000.000đ *(Sáu triệu đồng).*
Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K số tiền 5.000.000đ *(Năm triệu đồng).*

3. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 46.580.000đ đồng *(Bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).*

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh – đen có 02 số IMEI: 3592 8204 2276 288 và 3592 8204 2276 296 cùng sim số: 01657.567.926 có số sêri: 89840 48601 36253 4171 và 01 (một) điện thoại di động

hiệu Q.Mobile màu trắng – đen, có 02 số IMEI: 358688000000158 và 359688000000158 sim số: 01662.213.857 có số sêri: 89840 480 0881 8934 885.

Tịch thu tiêu hủy: Một cái đĩa có đường kính 10cm, cao 2,5cm; 01 cái chén có đường kính 8,5cm, cao 05cm; 01 tấm nilon màu trắng – xanh, dài 5,30m, rộng 3,20m; 03 hột xí ngầu có 06 mặt hình vuông bằng nhau, kích thước 01cm tất cả đã qua sử dụng. Một cái đĩa có đường kính 22cm, cao 02cm; 01cái tô có đường kính 15cm, cao 6cm; 01 tấm nilon dài 68cm, rộng 46cm, trên bề mặt có kẽ 6 ô, thứ tự từ 1 đến 6 chấm và 01 cái đĩa có đường kính 20cm, cao 2cm; 01 cái tô có đường kính 15cm, cao 6cm; 01 tấm nilon dài 65cm, rộng 49cm, trên bề mặt có kẽ 6 ô, thứ tự từ 1 đến 6 chấm tất cả đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 24/01/2018 và các biên lai thu tiền số 0006364, 0006365, 0006366, 0006367, 0006368, 0006369, 0006370, 0006371, 0006372, 0006374, 00063675, 0006376, 0006377, 0006378 và số 0006383 cùng ngày 23/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh).

4. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu Ng; ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn Đ, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Vỏ Minh T, Diệp Vĩ T, Liêu Hữu Ph, Trần Chí L, Nguyễn Văn Nh, Bùi Văn T, Lâm Văn T, Trần Thanh V, Trần Văn S, Trần Văn T, Nguyễn Trung V mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*, án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Thạch Trung Đ, Lâm Văn H, Thạch Lăng X, Trần Văn V, Thạch P, Kiến T và Nguyễn Thị K.

Các bị cáo, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

-TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CA huyện Trà Cú;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Chi Cục THADS huyện Trà Cú;
- Những người TGTT**;**
- Lưu.

(Đã Ký)

Sơn Thị Sô Tha